

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi,
Thú y và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1649/QĐ- BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc trung tâm Phục vụ Hành chính công thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Công văn số 6274 /SNNMT-VP ngày 12/ 5 /2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục 60 thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội; bao gồm: 51 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh; 03 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết chung của cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; 06 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong đó có 37 thủ tục hành chính thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh được phê duyệt tại Quyết định 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ tục hành chính số thứ tự 04, 05, 07, 08, 09, 10, 26 tại Phụ lục có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2027 hoặc trước ngày 01/01/2027 nếu UBND thành

phố Hà Nội có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Quyết định số 631/QĐ-TTPVHCC ngày 06/5/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này gửi Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, các Sở, cơ quan tương đương Sở; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Thành phố;
- TTPVHCC: GD, PGD, các phòng, đơn vị, chi nhánh/điểm hỗ trợ DVC số;
- Lưu: VT, KSTTHC.

(để báo cáo)

GIÁM ĐỐC



Phan Văn Phúc

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH (51 TTHC)

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI					
*		Lĩnh vực Chăn nuôi (02 TTHC)					
01	01	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu (mã TTHC: 1.011033)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội); -Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<i>Chính phủ</i>); -Nghị định số 46/2022/NĐ- CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (sau đây gọi tắt là <i>Nghị định số 46/2022/NĐ- CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ</i>); -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y (sau đây gọi tắt là <i>Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ</i>); -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							<i>Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ);</i> -Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là <i>Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>); -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội (Sau đây gọi tắt là <i>Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà</i>

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							<i>Nội);</i> -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội (<i>sau đây gọi tắt là Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội</i>).
02	02	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (mã TTHC: 1.011030)	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 13/2020/ NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 46/2022/NĐ- CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. -Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
*		Lĩnh vực Thú y (01 TTHC)					
03	01	Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (mã TTHC: 1.011325)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Phí kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đơn hàng nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (trừ các đơn hàng nhập khẩu để làm mẫu nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, phi mẫu dịch): 2.000.000 đồng/01 đơn hàng.	-Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ); -Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							có chứa chất ma túy, tiền chất; kê đơn, đơn thuốc thú y; sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; -Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về quản lý thuốc thú y; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y (sau đây gọi tắt là Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính); -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
II		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI					
*		Lĩnh vực Chăn nuôi (13 TTHC)					
04	01	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (mã TTHC: 1.008124)	03 ngày làm việc	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Trực tuyến toàn trình qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; -Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là <u>Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</u>); -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền; giao giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi, Thủy sản và



STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							Thủ y thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội).
05	02	Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (mã TTHC: 1.008125)	03 ngày làm việc.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Trực tuyến toàn trình qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; -Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
06	03	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (mã TTHC: 1.008122)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 24/2021/ TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi (sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính);

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là <i>Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ</i>); -Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội về

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							việc ủy quyền; giao giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội).
07	04	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước. (mã TTHC: 3.000127)	16 ngày làm việc. Trong đó: -Kiểm tra thành phần hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 01 ngày làm việc. -Tổ chức thẩm định và công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: 15 ngày làm việc.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
08	05	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu (mã TTHC: 3.000128)	16 ngày làm việc. Trong đó: -Kiểm tra thành phần hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 01 ngày làm việc. -Tổ chức thẩm định và công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: 15 ngày làm việc.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND thành phố Hà Nội.
09	06	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (mã TTHC: 3.000129)	06 ngày làm việc. Trong đó: -Kiểm tra thành phần hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 01 ngày làm việc. -Tổ chức thẩm định và công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: 05 ngày làm việc.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
10	07	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	11 ngày làm việc. Trong đó:	Các chi nhánh Trung	Trực tuyến toàn trình	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		(mã TTHC: 3.000130)	-Kiểm tra thành phần hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 01 ngày làm việc. -Tổ chức thẩm định và công bố thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: 10 ngày làm việc.	tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	trên Cổng Dịch vụ công quốc gia		19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
11	08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (mã TTHC: 1.011031)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp;	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				phố Hà Nội	-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		hội; -Nghị định số 13/2020/ NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 46/2022/ NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND thành phố Hà Nội.
12	09	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (mã TTHC: 1.008126)	a. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. b. Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần. -Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần. -Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. <i>(Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của</i>	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 24/2021/ TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính; -Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<i>Bộ trưởng Bộ Tài chính).</i>	nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
13	10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (mã TTHC: 1.008127)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	-Thẩm định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. -Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. <i>(Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài</i>	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 13/2020/ NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 46/2022/ NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						chính).	tướng Chính phủ; -Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
14	11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (mã TTHC: 1.008128)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu	Thẩm định lần đầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần, trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế.	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 13/2020/ NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 46/2022/ NĐ-CP ngày 13/7/2022 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					chính.		Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
15	12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (mã TTHC: 1.008129)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp;	-Thẩm định cấp lại: 250.000 đồng/ 01 cơ sở/lần.	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				phố Hà Nội	-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		hội; -Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
16	13	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án	03 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ	Các chi nhánh Trung tâm	Lựa chọn một trong các cách	Không	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp trên địa bàn tỉnh (Mã TTHC: 1.014958)	hồ sơ hợp lệ.	Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; -Nghị định số 46/2022/ NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về chăn nuôi động vật khác thuộc Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi; -Quyết định số 898/QĐ-BNNMT ngày 18/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							Chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
*		Lĩnh vực Thú y (17 TTHC)					
17	01	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y (mã TTHC: 1.004756)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	50.000 đồng/CCHN (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính)	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y (sau đây gọi tắt là Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ); -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y (sau đây gọi tắt là Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính); -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
18	02	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (1.005319)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Các chi nhánh Trung tâm	Lựa chọn một trong các cách	50.000 đồng/CCHN (theo quy định tại	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính).	19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Thông tư số 09/2025/TT-BNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
19	03	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (mã TTHC: 2.001064)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	50.000 đồng/CCHN (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính).	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
20	04	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (mã TTHC: 1.014778)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ); -Nghị định số 80/2022/ NĐ-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2022/ NĐ- CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ); -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/ TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
21	05	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký (mã TTHC: 1.002373)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính	Không	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội..
22	06	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) (mã TTHC: 1.014777)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: -Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. -Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. -Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
23	07	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký (mã TTHC: 1.002432)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy (sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ); -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
24	08	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) (mã TTHC: 1.013811)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
25	09	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (mã TTHC: 1.013813)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: -Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. -Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. -Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/NĐ -CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
26	10	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu (mã TTHC: 1.003703)	-Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu: +Xác nhận đơn	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp;	-Phí kiểm tra chất lượng lô hàng thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y nhập khẩu đối với kiểm tra	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đăng ký kiểm tra chất lượng thuốc thú y nhập khẩu: 01 ngày làm việc; + Đơn vị kiểm tra chất lượng lô hàng thuốc thú y nhập khẩu và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân để bổ sung vào hồ sơ và thực hiện các bước đăng ký kiểm tra chất lượng tiếp theo: 15 ngày đối với thuốc thú y; 60 ngày đối với vắc xin, kháng thể; + Xét duyệt, thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng lô hàng nhập khẩu: 01 ngày làm việc. - Đăng ký miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu đối với thuốc	phố Hà Nội	- Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	ngoại quan: 250.000 đồng/lô hàng. - Giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc: Tùy theo từng chỉ tiêu kiểm nghiệm quy định tại Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			thú y nhập khẩu: 03 ngày làm việc.				nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; -Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; -Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật (sau đây gọi tắt là <i>Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>); -Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; -Thông tư số 10/2018/TT-BNNPTNT ngày 14/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuốc thú y - Yêu cầu chung; -Thông tư số 09/2025/TT-BNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 2303/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
27	11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Các chi nhánh Trung	Lựa chọn một trong các cách	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thuốc thú y (mã TTHC: 1.002409)	được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.	19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
28	12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (mã TTHC: 1.002549)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: -Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. -Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. -Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
29	13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (mã TTHC: 1.013809)	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo quy định của pháp luật về thú y hiện hành, khi có nhu cầu sản xuất	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: -Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. -Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			(hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. -Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	-Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/ TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
30	14	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (mã TTHC: 1.011475)	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y, Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2022/TT-BNNMT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); - Quyết định số 1325/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1325/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2026 của Bộ

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							<i>trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>); -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
31	15	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (mã TTHC: 1.011477)	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (<i>căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>).	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1325/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
32	16	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu) (mã TTHC: 1.011478)	21 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y, Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				dịch vụ bưu chính.	<i>Bộ trưởng Bộ Tài chính).</i> - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y, Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	thôn; -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1325/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
33	17	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu) (mã TTHC: 1.011479)	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1325/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
*		Lĩnh vực Thủy sản (07 TTHC)					
34	01	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (mã TTHC: 1.004943)	-08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); -08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Chưa có văn bản quy định	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ); -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.				trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là <i>Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>); -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
35	02	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (mã TTHC: 1.004683)	-08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một	Chưa có văn bản quy định.	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 41/2026/NĐ-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); -08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.		phân trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
36	03	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa	- Trường hợp cấp mới: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ	Chưa có văn bản quy định	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (Mã TTHC: 1.004794)	- Trường hợp cấp lại (trong trường hợp giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản được cấp bản giấy bị mất hoặc bị hỏng hoặc giấy phép có thay đổi địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu): 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Nội	trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 814/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 814/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
37	04	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (Mã TTHC: 2.001694)	- Trường hợp cấp mới: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp cấp lại (trong trường hợp giấy phép nhập khẩu giống thủy sản được cấp bản giấy bị mất hoặc bị hỏng hoặc giấy phép có thay	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Chưa có văn bản quy định	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			đổi địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu): 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.				-Quyết định số 814/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
38	05	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) (mã TTHC: 1.004923)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: + Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; + Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt, Thủy sản; Nông nghiệp; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Môi trường; Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (Sau đây gọi tắt là <i>Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội</i>).
39	06	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản	-Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ	Lựa chọn một trong các cách thức:	Không	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) (mã TTHC: 1.004921)	cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; -Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 35 ngày làm việc. Trong đó: + Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ	hành chính công thành phố Hà Nội	-Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; + Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.				
40	07	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế) (mã TTHC: 1.003851)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội).
III		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y HÀ NỘI					
*		Lĩnh vực Thú y (03 TTHC)					
41	01	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (mã TTHC: 1.004022)	05 ngày làm việc.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn phần trên Cổng dịch vụ	Phí thẩm định nội dung quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ dùng trong thú y: 900.000 đồng/lần	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; -Thông tư số 285/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Thông tư số 09/2025/TT-BNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
42	02	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (mã TTHC: 1.002338)	01 ngày làm việc hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, cụ thể như sau: -Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch; -Đối với động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đội kiểm dịch động vật lưu động: xóm 3, ngõ 94 Cầu Bươu, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.	Tiếp nhận trực tiếp.	-Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định số 106/QĐ-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026: 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch; -Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch; -Đối với sản phẩm động vật đã được lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 xuất				của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			phát từ cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh đã được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc cơ sở không phải thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y định kỳ theo quy định của pháp luật về thú y: 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.				
43	03	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (mã TTHC: 2.000873)	+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm dịch thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch; + Đối với trường hợp kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đội kiểm dịch động vật lưu động: xóm 3, ngõ 94 Cầu Bươu, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.	Tiếp nhận trực tiếp.	-Mục 3 Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. -Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 03/2026/TT-BNNPTNT ngày 13/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch. + Đối với các trường hợp khác: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.				-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định số 318/QĐ-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
*		Lĩnh vực Thủy sản (08 TTHC)					
44	01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) (mã TTHC:	-Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu	Chưa có văn bản quy định.	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		1.004918)	kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. -Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.		chính.		tướng Chính phủ; -Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
45	02	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (mã TTHC: 1.004915)	-Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Mức thu phí: 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			quyền cấp Giấy chứng nhận; -Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.				định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản; -Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
46	03	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (mã TTHC: 1.004359)	05 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	-Lệ phí cấp mới: 40.000 đồng/lần. -Lệ phí cấp lại: 20.000 đồng/lần	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính); -Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
47	04	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. (mã TTHC: 1.004913)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên	Chưa có văn bản quy định.	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
48	05	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (mã TTHC: 1.004692)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Chưa có văn bản quy định.	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
49	06	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam (mã TTHC: 1.004344)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Chưa có quy định	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội của Quốc hội; -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; -Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
50	07	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Cấp lần đầu: + Trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu: Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng	-Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá: 12.450.000 đồng/lần.	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quản lý) (mã TTHC: 1.003741)	+ Trường hợp điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu: Trong thời hạn 9 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. -Cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.		dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		Chính phủ; -Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
51	08	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA) (Mã TTHC: 2.002819)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Thông tư số 74/2025/TT-BNNMT ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ; -Quyết định số 5807/QĐ-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Thông báo số 683/TB-TSKN ngày 07/3/2026 của Cục Thủy sản và Kiểm ngư về Danh sách cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đủ điều kiện xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (03 TTHC)

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Lĩnh vực Thú y (03 TTHC)					
52	01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (mã TTHC: 1.001686)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	(1) Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội). (2) Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				thành phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội).			-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
53	02	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (mã TTHC: 1.014779)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	(1) Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2256/QĐ-	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội). (2) Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội).			Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.
54	03	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (mã TTHC: 1.004839)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	(1) Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp;	Không	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội). (2) Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường theo Quyết định số 2256/QĐ-	-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		hội; -Nghị định số 35/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; -Nghị định số 123/2018/ NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 80/2022/ NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; -Nghị định số 32/2026/ NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; -Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội).			UBND thành phố Hà Nội.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ (06 TTHC)

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I		Lĩnh vực Thú y (01 TTHC)					
55	01	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không phục thuộc vào lực lượng vũ trang nhân dân) (mã TTHC: 1.013997)	25 ngày làm kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ; -Quyết định số 2313/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
II		Lĩnh vực Thủy sản (05 TTHC)					
56	01	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản	35 ngày làm việc. Trong đó: + Thông báo Phương án bảo	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ	Không	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		lý) (mã TTHC: 1.003956)	vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; + Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.	Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
57	02	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (mã TTHC: 1.004498)	-Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; -Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 35 ngày làm việc. Trong đó: + Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; + Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.				
58	03	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước	-03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số,	Lựa chọn một trong các cách thức:	Không	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng (mã TTHC: 1.004680)	đủ hồ sơ hợp lệ. -07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	-Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
59	04	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên (mã TTHC: 1.004656)	05 ngày làm việc.	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
60	05	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) (mã TTHC: 1.014801)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Chưa có văn bản quy định.	-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; -Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.